TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2026/HSST
Ngày: 02-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. ông Trần Văn Tôn
2. bà Vũ Thị Đào

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** ông Phan Vũ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân Khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2026/HS-ST, ngày 21 tháng 6 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - sinh ngày: 09/9/2000

Nơi cư trú: ấp A, xã G, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12. Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; con bà: Châu Lệ H, sinh năm 1979; Bị cáo có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1998, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Thị Đ, sinh năm 1989. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 18/LC-VPCQCSĐT ngày 06/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 976/LC-VPCQCSĐT ngày 05/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A. Lệnh cấm đi khỏi nơi cứ trú số: 50/LCCT-VKSKV5 ngày 05/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang*;* Lệnh cấm đi khỏi nơi cứ trú số: 139/LCĐKNCT-TA ngày 25/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang đối với bị cáo T.

Bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự**: anh Danh T2, sinh ngày 18/9/2005 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A

*** Người làm chứng:**

1/ chị Thị Đ, sinh ngày 01/01/1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A.

2/ bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 ngày 23/9/2025, Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/2000 thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A đi đến nhà bà Nguyễn Thị T3 (nhà đối diện bên sông nhà của Nguyễn Văn T) để cắt rau. Khi đi qua gần đến nhà bà T3 thì Nguyễn Văn T thấy Danh T2, sinh ngày 18/9/2005, thường trú cùng ấp A, xã G, tính A bị ngã xe nên T đi đến nhằm mục đích đỡ T2 lên. Tính thấy T đi về phía mình tay để phía sau lưng nghĩ Tấn giấu hung khí để đánh mình nên T2 đi đến dùng chân đá vào bụng T một cái làm T ngã xuống mặt đường, T và T2 câu vật dưới mặt đường một lúc thì T2 ngồi lên người Tấn đế đánh T, cùng lúc này T đang cầm cây dao bấm bằng tay trái vòng ra phía sau lưng của T2 đâm 05 cái vào vùng lưng và vai của T2. Sau đó, T nén cây dao xuống cặp mé sông rồi đẩy T2 qua một bên thì cả hai được mọi người can ngăn, T2 được đưa đi bệnh viện cấp cứu, còn T thì đi về nhà.

Ngày 06/01/2026, Nguyễn Văn T bị khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 27/01/2026 Cơ quan điều tra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" để điều tra. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Kết luận giám định số: 121/KLTTCT-PY ngày 03/11/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh A, kết luận:

- Xác định: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Danh T2 tại thời điểm giám định là 06%.

- Thương tích ở vùng vai phải do vật có cạnh sắc gây nên; thương tích ở vùng cổ sau, lưng phải và vùng vai lưng trái do vật sắc nhọn gây nên.

- Thương tích ở vùng vai phải do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau ra trước gây nên; Thương tích ở vùng cổ sau, vai phải, lưng phải và vai lưng trái do vật sắc nhọn tác động theo hướng từ sau ra trước gây nên.

* Kết luận giám định số 52/KLVGTT-PY ngày 03/11/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh A, kết luận:

Căn cứ kết luận giám định vật gây thương tích (cây dao xếp) được cơ quan trưng cầu giám định gửi đến có đặc điểm phù hợp với đặc điểm thương tích ở vùng cổ sau, vai phải, lưng phải và vùng vai lưng trái. Xác định (cây dao xếp) có thể gây ra được các thương tích của Danh T2.

* Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 22/01/2026 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Cây dao gửi giám định là dao gấp thuộc danh mục dao có tính sát thương cao (Phụ lục 5, Thông tư 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ C).

* Vật chứng thu giữ:

01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen, dài 21 cm, cán dao có in chữ màu đỏ BROWNING, cán dao dài 12cm, lưỡi dao sắc bén một bề, mũi dao nhọn.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSKV5, ngày 20/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng", theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự hiện hành.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

* về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen, dài 21cm, cán dao có in chữ màu đỏ BROWNING, cán dao dài 12cm, lưỡi dao sắc bén một bề, mũi dao nhọn được đựng trong 01 túi niêm phong mã số PS3A 121436 có dán kín miệng bằng băng niêm phong màu đỏ; túi niêm phong có đóng dấu tròn đỏ Phân viện khoa học hình sự tại TP . và có chữ ký của người giao Nguyễn Phương N, chữ ký người nhận Võ Quốc V.

Vật chứng nêu trên hiện tại đang được nhập kho vật chứng của Phân trại tạm giam Giồng Riềng (cơ sở 3) thuộc Trại giam S Công an tỉnh A quản lý theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo T đã tự nguyện bồi thường chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) cho Danh T2. Ngày 18/4/2026 bị cáo T đã giao cho Danh T2 5.000.000đồng, còn 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường 5.000.000đồng còn lại cho Danh T2 theo thỏa thuận.

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày tại phiên tòa: bị cáo T thừa nhận tất cả hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, bị cáo T thống nhất quyết định thay đổi tội danh từ cố ý gây thương tích đổi thành quyết định khởi tố tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng", bị cáo thấy ăn năn, hối cải với hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử về trách nhiệm hình sự là được xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc cho gia đình. Về trách nhiệm dân sự bị cáo T vẫn giữ nguyên thỏa thuận bồi thường cho anh T2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tuy nhiên bị cáo T đã giao cho anh T2 5.000.000đồng, còn 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) bị cáo T hẹn đến ngày 17/7/2026 sẽ giao đủ cho anh T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục Tố tụng: Ngày 06/01/2026, Nguyễn Văn T bị khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 27/01/2026 Cơ quan điều tra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" để điều tra. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thống nhất quyết định thay đổi tội danh từ cố ý gây thương tích đổi thành quyết định khởi tố tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Nguyên đơn dân sự anh Danh T2, người làm chứng chị Thị Đ, bà Nguyễn Thị T3 đều có đơn xin xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – An Giang, bị cáo không có ý kiến đối với việc vắng mặt của những những người này và yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy anh T2, chị Đ, bà T3 đã có lời khai đầy đủ liên quan đến nội dung vụ án ở giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét lời khai của bị cáo T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung,… nên có đủ căn cứ kết luận: Ngày 23/9/2025, Nguyễn Văn T sinh ngày 09/9/2000, thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A đã có hành vi sử dụng con dao gấp thuộc danh mục hung khí có tính sát thương cao (Phụ lục 5, Thông tư 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ C) để gây thương tích cho anh T2 (tỷ lệ tổn thương cơ thê là 06%) tại ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

Tại Điều 304 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyên, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

...

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm"

[4] Bị cáo T đã có hành vi sử dụng con dao gấp thuộc danh mục hung khí có tính sát thương cao. Hành vi sử dụng con dao gấp của bị cáo T là hình vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng vào mục đích trái pháp luật là gây tổn thương cơ thể cho anh T2 06%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được con dao gấp là loại phương tiện đặc biệt nguy hiểm, việc sử dụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì động cơ cá nhân hoặc coi thường pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là con dao gấp. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho anh T2; đồng thời, quá trình điều tra anh T2 có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo T, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo T phải cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung đối với xã hội. Bị cáo T lao động tự do, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tuy nhiên, cần xử phạt bị cáo T mức án tù giam tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết của vụ án.

[7] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo T về tội danh, về điều luật áp dụng, về hình phạt, về biện pháp tư pháp và về trách nhiệm dân sự là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen, dài 21cm, cán dao có in chữ màu đỏ BROWNING, cán dao dài 12cm, lưỡi dao sắc bén một bề, mũi dao nhọn được đựng trong 01 túi niêm phong mã số PS3A 121436 có dán kín miệng bằng băng niêm phong màu đỏ; túi niêm phong có đóng dấu tròn đỏ Phân viện khoa học hình sự tại TP . và có chữ ký của người giao Nguyễn Phương N, chữ ký người nhận Võ Quốc V.

Vật chứng nêu trên hiện tại đang được nhập kho vật chứng của Phân trại tạm giam Giồng Riềng (cơ sở 3) thuộc Trại giam S Công an tỉnh A quản lý theo quy định.

* Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo T với anh T2 là bị cáo T tự nguyện bồi thường chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho Danh T2. Ngày 18/4/2026 bị cáo T đã giao cho Danh T2 5.000.000đồng, còn 5.000.000 đồng

(Năm triệu đồng) buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường 5.000.000 đồng cho Danh T2.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"**.**

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 Sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu đen, dài 21cm, cán dao có in chữ màu đỏ BROWNING, cán dao dài 12cm, lưỡi dao sắc bén một bề, mũi dao nhọn được đựng trong 01 túi niêm phong mã số PS3A 121436 có dán kín miệng bằng băng niêm phong màu đỏ; túi niêm phong có đóng dấu tròn đỏ Phân viện khoa học hình sự tại TP . và có chữ ký của người giao Nguyễn Phương N, chữ ký người nhận Võ Quốc V.

Vật chứng nêu trên hiện tại đang được nhập kho vật chứng của Phân trại tạm giam Giồng Riềng (cơ sở 3) thuộc Trại giam S Công an tỉnh A quản lý theo quy định (theo phiếu nhập kho vật chứng số 28/PNK ngày 06/4/2026 của Công an tỉnh A).

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo T và anh T2 là bị cáo T tiếp tục bồi thường cho anh T2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào ngày 17/7/2026.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 02/7/2026. Nguyên đơn dân sự anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
- Công an xã Gò Quao, Công an Khu vực;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS.

Danh Thị Kiều Oanh